

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2019

V/v Ly hôn giữa chị P và anh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

Bà Trần Việt Hồng Phượng

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị P T H P, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 38/1, đường N L 2, ấp N L, xã H , huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

2.Bị đơn: Anh N V N, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp V T, xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 06-3-2019, quá trình tố tụng nguyên đơn chị P T H P trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh N V N kết hôn vào năm 2008, hôn nhân do quen biết khi đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký

kết hôn tại UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang số 23 ngày 14-4-2010. Sau khi cưới vợ chồng thuê trọ ở tỉnh Bình Dương sinh sống và đi làm công nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N thường hay ăn nhậu, không lo cho gia đình, đánh đập chị. Do cha mẹ chồng đã chết, chị chỉ nhờ cha mẹ ruột can thiệp nhưng anh N không thay đổi tính tình. Cách nay 3 năm chị và anh N sống ly thân cho đến nay, anh N không một lần thăm con. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn với anh N V N.

+Về con chung: Có 02 con chung tên N T C, sinh ngày 21-7-2010 và N T A T, sinh ngày 13-4-2016. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N V N, nhưng anh N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-6-2019, bà N T B T trình bày: Bà là chị ruột của N V N. Bà có nhận được các thông báo của Tòa án, bà có gọi điện thoại báo cho N biết. Vợ chồng N – P sống chung nhà với cha mẹ bà khoảng 5 tháng thì đi Bình Dương sinh sống. N thường hay nhậu nhẹt, không lo tiếp vợ con, vợ nói thì N đánh; bà nhiều lần khuyên can nhưng không được. Vợ chồng N – P sống ly thân khoảng 3 năm nay. Theo bà thì N – P không có khả năng đoàn tụ. N – P có 2 con, P nuôi con rất tốt. N – P không có tài sản chung.

Tại Tờ tự khai ngày 02-8-2019, cháu N T C trình bày: Cháu đang sống với mẹ, cháu có được đi học, cháu học đã lớp 3 trường tiểu học H M B, ấp N L, xã H M, huyện C T, tỉnh Trà Vinh. Cha cháu bỏ mẹ con cháu hơn 3 năm nay rồi, cha không về thăm cháu. Nếu cha mẹ cháu Ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Đối với nguyên đơn chị P T H P, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn chị P.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định Đưa vụ án ra xét xử, Quyết định Hoãn phiên tòa nhưng anh N V N vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn anh N.

[2] *Về hôn nhân*: Chị P T H P và anh N V N kết hôn vào năm 2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang số 23 ngày 14-4-2010 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị P có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa chị P và anh N nhưng anh N không tham gia hòa giải. Cách nay khoảng 3 năm chị P và anh N sống ly thân cho đến nay. Từ khi sống ly thân cả hai đều bỏ mặc không tìm cách hàn gắn lại tình cảm. Bà N T B T là chị ruột của anh N trình bày chị P và anh N sống ly thân cách nay 3 năm cho đến nay, khả năng đoàn tụ là không có. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân đã thật sự trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chị P được ly hôn với anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị P T H P và anh N V N có 02 con chung. Chị P có yêu cầu nuôi con, anh N không có ý kiến.

Xét thấy: Cháu C và cháu T từ nhỏ đã quen sống với gia đình chị P. Từ sau khi sống ly thân cho đến nay chị P nuôi dưỡng và chăm sóc 2 cháu chu đáo. Cháu C đã 9 tuổi, có nguyện vọng sống với chị P. Bà N T B T là chị ruột của anh N trình bày chị P nuôi con rất tốt. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 92 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của 2 cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung là phù hợp.

Anh N V N có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này. Anh N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị P T H P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị P T H P không yêu cầu anh N V N cấp dưỡng nuôi con. Anh N không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị P T H P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N V N không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị P T H P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014218 ngày 04-4-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn chị P T H P; bị đơn anh N V N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 11, 89, 91, 92 và 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Chị P T H P được ly hôn với anh N V N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 14-4-2010 của Ủy ban nhân dân xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung*: Chị P T H P được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên N T C, sinh ngày 21-7-2010 và N T A T, sinh ngày 13-4-2016.

Anh N V N có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này. Anh N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị P T H P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn chị P T H P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014218 ngày 04-4-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị P T H P, bị đơn anh N V N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V A, huyện C T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà